

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 28/2021/HC-ST

Ngày: 26/11/2021

Vụ án: Khiếu kiện hành vi chứng
thực; quyết định hành chính trong
lĩnh vực quản lý đất đai.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Đào Liệt Trinh**

- *Các Hội thẩm nhân dân:* Ông **Mai Văn Bé;**

Ông **Hồ Hoàng Diệu.**

- *Thư ký phiên tòa:* Bà **Phạm Thị Hồng Chúc** là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ.

- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa:*
Ông **Lương Sơn Bá**, Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 11 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 91/2020/TLST-HC ngày 19 tháng 10 năm 2020 về việc “Khiếu kiện hành vi chứng thực, quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 47/2021/QĐXXST-HC ngày 03 tháng 11 năm 2021 giữa các đương sự:

- *Người khởi kiện:* Ông **Lê Công T**, sinh năm 1951. (có mặt).

Địa chỉ: phường T, quận T, thành phố Cần Thơ.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Luật sư Nguyễn Thị Lan Chi- Công ty Luật TNHH MTV Kiến Minh Thành, Đoàn luật sư thành phố Hồ Chí Minh.

- *Người bị kiện:* Ủy ban nhân dân quận T

Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận T

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Võ Văn T, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận T (văn bản ủy quyền ngày 12/3/2021). Xin xét xử vắng mặt.

Địa chỉ: phường T, quận T, thành phố Cần Thơ.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà **Nguyễn Hồng A**, sinh năm 1956

2. Ông **Nguyễn Thế N**, sinh năm 1962

3. Bà **Nguyễn Hồng V**, sinh năm 1965
4. Bà **Nguyễn Hồng H**, sinh năm 1966
5. Ông **Nguyễn Thế H**, sinh năm 1968
6. Ông **Nguyễn Thế H1**, sinh năm 1970 (nhà số 669, tổ 10);
7. Ông **Nguyễn Thế H2**, sinh năm 1971
8. Ông **Nguyễn Thế H3**, sinh năm 1973

Cùng địa chỉ: phường T, quận T, thành phố Cần Thơ.

Người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm bà Hồng A, ông N, ông H, bà V, bà H, ông H1p, ông H2 cùng ủy quyền cho ông Nguyễn Thế H theo văn bản ủy quyền ngày 22/3/2021. (có mặt).

9. Phòng Tư pháp quận T.

Địa chỉ: phường T, quận T, thành phố Cần Thơ. Có văn bản xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và bản tự khai người khởi kiện ông Lê Công T trình bày:

Gia đình ông đã sinh sống và canh tác trên thửa 556, 559 tại Rạch R từ trước đến nay. Nguồn gốc đất là do ông Nguyễn Văn H4 bán lại cho hộ ông Nguyễn Văn H5 ngày 07/4/1975, sau đó gia đình ông H5 bán lại cho gia đình ông. Trong quá trình sử dụng ông có đóng thuế đầy đủ cho Nhà nước. Tuy nhiên, Ủy ban nhân dân huyện T nay là Ủy ban nhân dân quận T cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng ruộng đất số 2774/GCNRĐ ngày 16/9/1990 cho ông Nguyễn Thế H6, bao gồm cả thửa 556, 559 mà gia đình ông đang sử dụng. Sau đó, ông Nguyễn Thế H6 chết, tháng 10/2010 gia đình ông H6 làm thủ tục phân chia di sản thừa kế bao gồm các thửa đất mà ông đang trực tiếp quản lý, sử dụng. Ông T đã làm đơn ngăn chặn gửi đơn cơ quan chức năng nhưng không được giải quyết.

Ngày 07/10/2010 ông Lê Hồng K là Trưởng phòng tư pháp quận T đã ký thông báo về việc tự phân chia di sản thừa kế số 102/TB.TP và với tư cách thừa ủy quyền của Ủy ban nhân dân quận T ký văn bản thỏa thuận phân chia di sản của bà Bùi Hồng Đ ngày 05/3/2011. Hành vi chứng thực này là không đúng pháp luật, chưa đảm bảo trình tự thủ tục theo quy định. Vấn đề này đã được kết luận tại Thông báo số 17/TB-UBND ngày 27/3/2020 của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ.

Việc thực hiện thủ tục phân chia di sản là trái pháp luật nhưng Ủy ban nhân dân quận T vẫn căn cứ trên văn bản thỏa thuận này để cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH00692 ngày 19/10/2011 cho ông Nguyễn Thế H tại thửa 559 mà ông đang quản lý sử dụng.

Do đó, ông Lê Công T khởi kiện yêu cầu tuyên bố hành vi chứng thực của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận T (do Trưởng phòng Tư pháp quận T ký thừa ủy

quyền) trong văn bản thỏa thuận phân chia di sản ngày 05/3/2011 là trái pháp luật; hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 2774/GCNRĐ do Ủy ban nhân dân huyện T (cũ) cấp cho ông Nguyễn Thế H6 tại thửa 556, tờ bản đồ số 03, diện tích 900m²; hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH00692 do Ủy ban nhân dân quận T cấp ngày 19/10/2011 cho ông Nguyễn Thế H tại thửa đất số 559.

Ngày 19/3/2021 ông Lê Công T nộp đơn khởi kiện bổ sung yêu cầu Ủy ban nhân dân quận T bồi thường thiệt hại với số tiền 100.000.000 đồng. Tuy nhiên, tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp công khai chứng cứ và đối thoại ngày 01/4/2021 ông T xin rút lại yêu cầu bồi thường thiệt hại này.

Người bị kiện Ủy ban nhân dân quận T có văn bản trình bày:

** Về việc chứng thực văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế:*

Trưởng Phòng Tư pháp quận đã áp dụng khoản 2, điều 22 - Nghị định số 75/2000/NĐ-CP ngày 08 tháng 12 năm 2010 của Chính phủ về Công chứng, Chứng thực để thực hiện việc Chứng thực Văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế của ông Nguyễn Thế H6 và bà Bùi Hồng Đ để lại cho ông Nguyễn Thế H. Tuy nhiên, vào ngày 13 tháng 6 năm 2006 Bộ Tư pháp và Bộ Tài nguyên và Môi trường đã ban hành Thông tư liên tịch số 04/2006/TTLT-BTP- BTNMT về Hướng dẫn việc công chứng, chứng thực hợp đồng, văn bản thực hiện quyền của người sử dụng đất. Căn cứ quy định điểm 1.1. d khoản 1, điểm 2.2 - khoản 2, khoản 4.2 khoản 4, Mục I - Thông tư liên tịch số 04/2006/TTLT -BTP -BTNMT, thì thẩm quyền chứng thực Văn bản Thỏa thuận phân chia di sản trên, là của Phòng Công chứng hoặc Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn nơi có bất động sản. Mặt khác, từ khi Thông tư số 04/2006/TTLT-BTP-BTNMT ngày 13 tháng 6 năm 2006 của Bộ Tư pháp và Bộ Tài nguyên - Môi trường có hiệu lực thi hành, Ủy ban nhân dân quận T không có quyết định Ủy quyền cho Trưởng phòng Tư pháp quận được Thừa ủy quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận để ký Chứng thực các trường hợp liên quan đến bất động sản.

** Về hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất:*

Theo hồ sơ địa chính, năm 1990 hộ ông Nguyễn Thế H6 kê khai, đăng ký thửa đất số 556, 620, 558, 623, 621, 562, 557, 559, 563, 561, 564 trong đó thửa đất 559 (là thửa đất tranh chấp có diện tích 308m², đất T, thuộc tờ bản đồ số 03, đất tọa lạc ấp P, xã T, huyện T (nay là khu vực P, phường T, Quận T). Qua đó, hộ ông Nguyễn Thế H6 được Ủy ban nhân dân huyện T (trước đây) cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng ruộng đất số 2774 GCN/RĐ ngày 16 tháng 9 năm 1990). Năm 2011, hộ ông Nguyễn Thế H6 lập văn bản thỏa thuận chia tài sản là di sản nêu trên của bà Bùi Hồng Đ (vợ ông Nguyễn Thế H6). Sau khi thỏa thuận các đồng thừa kế thống nhất giao toàn bộ tài sản của bà Bùi Hồng Đ cho ông Nguyễn Thế H. Đồng thời, phần giá trị tài sản còn lại của ông Nguyễn Thế H6 cũng đồng ý cho tặng cho lại ông Nguyễn Thế H sử dụng, được Trưởng Phòng Tư pháp quận T chứng thực ngày 05 tháng 3 năm 2011. Sau khi thực hiện xong các thủ tục có liên quan, ông Nguyễn Thế H được Ủy ban nhân dân quận T cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số

CH00692 ngày 19 tháng 10 năm 2011 tại thửa đất 559 nêu trên.

Ý kiến của Ủy ban nhân dân quận: Trong quá trình cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH00692 ngày 19 tháng 10 năm 2011, Ủy ban nhân dân quận T không tiếp nhận được đơn ngăn chặn Của ông Lê Công T. Do vậy, trên cơ sở tham mưu của Phòng Tài nguyên và Môi trường quận, Ủy ban nhân dân quận T đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH00692 ngày 19 tháng 10 năm 2011 tại thửa đất số 559 cho ông Nguyễn Thế H đứng tên là đúng trình tự, thủ tục theo quy định tại Điều 151 Nghị định 181/2004/NĐ-CP ngày 29 tháng 10 năm 2004.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Thế H trình bày:* Thửa đất số 559 và 556 có nguồn gốc là của bà nội ông cho cha mẹ vợ ông Lê Công T là ông Hai S ở nhờ trên thửa 559 và ông Huỳnh Ngọc X ở nhờ trên thửa 556 trước giải phóng. Đến năm 1990 cha ông là Nguyễn Thế H6 được Ủy ban nhân dân huyện T (cũ) cấp giấy chứng nhận ruộng đất số 2774/GCNRĐ-TH ngày 16/9/1990. Đến năm 2011, các đồng thừa kế lập thủ tục phân chia di sản thừa kế thống nhất giao các thửa đất trong giấy chứng nhận ruộng đất số 2774 cho ông Nguyễn Thế H đứng tên. Riêng thửa 556 cho đến nay ông chưa lập thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo nội dung phân chia di sản thừa kế. Sau khi ông H được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ông đã chuyển nhượng cho các hộ đang sử dụng thửa đất do ông đứng tên theo biên bản thỏa thuận. Riêng thửa 559 hiện do ông Lê Công T đang sử dụng chưa chuyển nhượng theo biên bản hòa giải năm 2011. Ngoài ra, hiện nay ông T cũng đang bao chiếm một phần diện tích khoảng 100m² tại thửa 556 của ông H6 đại diện hộ đứng tên (hiện do Tòa án nhân dân quận T thụ lý giải quyết). Nay ông đề nghị Tòa án bác yêu cầu khởi kiện của ông Lê Công T.

- *Phòng Tư pháp quận T có văn bản cung cấp tài liệu liên quan đến hành vi chứng thực của Phòng Tư pháp gồm có:*

Văn bản thỏa thuận phân chia di sản số 102, quyền số 02, chứng thực ngày 05/3/2021 (sau đây gọi tắt là Thông báo số 102) do Trưởng Phòng Tư pháp ông Lê Hồng K ký chứng thực; Thông báo số 102 ngày 07/10/2010 của Phòng Tư pháp quận T về việc tự thỏa thuận phân chia di sản thừa kế của bà Bùi Hồng Đ; Thông báo xác nhận của Ủy ban nhân dân phường T xác nhận niêm yết trụ sở từ ngày 07/10/2010 đến ngày 07/11/2010, không nhận được bất kỳ khiếu nại nào về việc phân chia di sản này; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; Giấy khai tử của bà Bùi Hồng Đ; Tờ khai hộ tịch; Chứng minh nhân dân của những người thừa kế.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người khởi kiện và người khởi kiện vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện như đơn khởi kiện, xác nhận lại việc rút đơn khởi kiện đối với yêu cầu đòi bồi thường thiệt hại số tiền 100.000.000 đồng. Đồng thời trình bày lý lẽ để yêu cầu chấp nhận yêu cầu khởi kiện.

Phía Người bị kiện và Phòng Tư pháp quận T có văn bản xin xét xử vắng

mặt.

Ông Nguyễn Thế H đề nghị Tòa án xử bác yêu cầu khởi kiện của ông Lê Công T.

Trong phần tranh luận, sau khi người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người khởi kiện và người khởi kiện phát biểu tranh luận thì ông Nguyễn Thế H không có ý kiến tranh luận đối đáp.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ phát biểu ý kiến:

Về tố tụng:

Người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định của Luật tố tụng hành chính.

Về thời hiệu khởi kiện: Đối với yêu cầu tuyên bố hành vi chứng thực của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận T (do Trưởng phòng Tư pháp quận T) trong văn bản thỏa thuận phân chia di sản ngày 05/3/2011 là trái pháp luật; hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH00692 do Ủy ban nhân dân quận T cấp ngày 19/10/2011 cho ông Nguyễn Thế H tại thửa đất số 559. Các yêu cầu này còn trong thời hiệu khởi kiện theo điều 116 Luật tố tụng hành chính.

Tách yêu cầu hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 2774/GCNRĐ do Ủy ban nhân dân huyện T (cũ) cấp cho ông Nguyễn Thế H6 tại thửa 556, tờ bản đồ số 03, diện tích 900m² do vụ án đang được Tòa án nhân dân quận T thụ lý giải quyết vụ án dân sự về “tranh chấp quyền sử dụng đất”.

Đối với yêu cầu khởi kiện bổ sung yêu cầu Ủy ban nhân dân quận T bồi thường thiệt hại với số tiền 100.000.000 đồng. Xét tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp công khai chứng cứ và đối thoại do Tòa án lập ngày 01/4/2021 ông T xin rút lại yêu cầu bồi thường thiệt hại này. Do đó đề nghị đình chỉ yêu cầu này.

Về nội dung vụ án: căn cứ vào chứng cứ do đương sự cung cấp và Tòa án thu thập, kết quả hỏi tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố hành vi chứng thực của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận T (do Trưởng phòng Tư pháp quận T ký thừa ủy quyền) trong văn bản thỏa thuận phân chia di sản ngày 05/3/2011 là trái pháp luật.

Về yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH00692 ngày 19/10/2011 cho ông Nguyễn Thế H, vì ông H được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH00692 ngày 19/10/2011, là bởi Ủy ban nhân dân quận căn cứ vào văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế số 102 ngày 05/3/2011, nhưng nay văn bản này đã bị xác định là trái pháp luật, nên không có giá trị pháp lý. Do đó đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH00692 ngày 19/10/2011 cho ông Nguyễn Thế H của người khởi kiện.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa sơ thẩm, căn cứ kết quả tranh tụng, ý kiến của người khởi kiện, người bảo vệ quyền và lợi ích

hợp pháp cho người khởi kiện; quan điểm của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Ông Lê Công T khởi kiện yêu cầu tuyên bố hành vi chứng thực văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế tại văn bản thỏa thuận số 102 ngày 05/3/2011 là trái pháp luật; hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 2774/GCNRD tại thửa 556, tờ bản đồ số 03, diện tích 900m² do Ủy ban nhân dân huyện T (cũ) cấp ngày cho ông Nguyễn Thế H6 ngày 16/9/1990; hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH00692 thửa đất số 559, diện tích 308m² do Ủy ban nhân dân quận T cấp ngày 19/10/2011 cho ông Nguyễn Thế H. Xét thấy, đây là khiếu kiện hành vi hành chính về công chứng, chứng thực và quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai, nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ theo quy định tại khoản 4 Điều 32 Luật tổ tụng hành chính năm 2015.

[1.2] Người bị kiện, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Phòng Tư pháp quận T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên căn cứ khoản 1 Điều 158 Luật tổ tụng hành chính Tòa án xét xử vắng mặt.

[1.3] Đối với việc ông T yêu cầu triệu tập tất cả những người đang trực tiếp canh tác sử dụng thực tế trên tất cả các thửa mà ông Nguyễn Thế H6 đã được Ủy ban nhân dân huyện T (cũ) cấp giấy chứng nhận ruộng đất số 2774/GCNRD ngày 16/9/1990 tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan. Xét thấy, yêu cầu này là không cần thiết. Bởi lẽ, ông T chỉ khởi kiện đối với một phần đối với giấy chứng nhận ruộng đất số 2774/GCNRD ngày 16/9/1990 tại thửa 556, và ông T cũng chỉ có quyền yêu cầu khởi kiện đối với phần đất mà ông T đang sử dụng nhưng đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông H6 làm ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của ông, còn đối với phần đất mà những người khác đang sử dụng không liên quan trong vụ án này.

[1.4] Về thời hiệu khởi kiện:

Đối với yêu cầu hủy một phần giấy chứng nhận ruộng đất số 2774/GCNRD ngày 16/9/1990 tại thửa 556. Xét thấy, liên quan đến thửa đất 556, theo giấy chứng nhận ruộng đất số 2774 giữa ông Lê Công T và những người thừa kế của ông Nguyễn Thế H6 có tranh chấp vụ án dân sự về quyền sử dụng đất, tại biên bản kiểm tra việc giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ ngày 19/7/2017 Tòa án đã công khai giấy chứng nhận ruộng đất số 2774 cho ông T biết (BL 202 – 204). Đến ngày 21/12/2020 ông T mới có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ hủy một phần giấy chứng nhận này là đã hết thời hiệu khởi kiện theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 116 Luật tố tụng hành chính. Do đó cần đình chỉ yêu cầu này.

Xét yêu cầu bồi thường thiệt hại với số tiền 100.000.000 đồng do ông T đã rút khởi kiện đối với yêu cầu này nên Tòa án đình chỉ giải quyết theo quy định tại điểm a khoản 1, Điều 143 Luật tố tụng hành chính.

Đối với yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH00692 ngày 19/10/2011 cho ông Nguyễn Thế H thấy rằng đến tháng 3/2020 ông T mới biết được việc cấp giấy này đến 22/5/2020 ông T khởi kiện là còn thời hiệu khởi kiện theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 116 Luật tố tụng hành chính.

Đối với yêu cầu khởi kiện hành vi chứng thực văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế tại văn bản thỏa thuận số 102 ngày 05/3/2011 thấy rằng tuy ông T đã biết được văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế này vào năm 2017 (BL 202-204), nhưng xét thấy sau khi biết việc Phòng Tư pháp quận T chứng thực văn bản thỏa thuận số 102, ông T đã có đơn tố cáo, đến ngày 27/3/2020 mới có Thông báo số 17/TB-UBND của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ về kết quả giải quyết tố cáo của ông T. Do đó yêu cầu này của Người khởi kiện còn trong thời hiệu khởi kiện.

[2]. Xét về nội dung khởi kiện

[2.1] Xét yêu cầu khởi kiện hành vi chứng thực của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận T (do Trưởng phòng Tư pháp quận T thừa ủy quyền thực hiện) tại văn bản thỏa thuận phân chia di sản số 102 ngày 05/3/2011:

Về thẩm quyền chứng thực: Thông tư liên tịch số 04/2006/TTLT-BTP-BTNMT ngày 13/6/2006 của Bộ Tư pháp, Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định như sau:

I - NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG

1. Phạm vi điều chỉnh

1.1. Thông tư này hướng dẫn việc công chứng của Phòng Công chứng và chứng thực của Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn đối với các hợp đồng, văn bản sau đây:

a) Hợp đồng chuyển đổi, chuyển nhượng, tặng cho, thuê, thuê lại quyền sử dụng đất; hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất của người thứ ba mà Luật Đất đai gọi là bảo lãnh bằng quyền sử dụng đất (gọi là hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất); hợp đồng góp vốn bằng quyền sử dụng đất; di chúc để thừa kế quyền sử dụng đất, văn bản phân chia thừa kế quyền sử dụng đất, văn bản nhận thừa kế quyền sử dụng đất trong trường hợp người nhận thừa kế là người duy nhất (sau đây gọi là hợp đồng, văn bản về quyền sử dụng đất);

...

2. Công chứng, chứng thực hợp đồng, văn bản về bất động sản

2.1 ...

2.2. Hợp đồng, văn bản về bất động sản mà bên có bất động sản là hộ gia đình, cá nhân thì hộ gia đình, cá nhân đó được lựa chọn hình thức công chứng tại Phòng Công chứng hoặc chứng thực tại Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn nơi có bất động sản."

...

Theo quy định nêu trên thì việc Trưởng phòng Tư pháp quận T thừa ủy quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận T chứng thực Văn bản thỏa thuận phân chia di sản số 102 là không đúng thẩm quyền theo quy định của pháp luật. Hơn nữa, tại văn bản số 780/UBND –NC ngày 19/3/2021 Ủy ban nhân dân quận T xác định thời điểm này không có quyết định ủy quyền cho Trưởng phòng Tư pháp quận T thực hiện chứng thực các giao dịch liên quan đến bất động sản (BL 172).

Mặt khác theo Thông báo 102/TB.TP ngày 27/3/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ đã kết luận:

“ ...

Như vậy, Chứng thực Văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế số 102, quyền số 02 TP/CC-SCT/HĐGD ngày 05/3/2021 chưa đảm bảo về trình tự, thủ tục theo quy định pháp luật. ”.

Từ cơ sở trên, nhận thấy có căn cứ để chấp nhận yêu cầu tuyên bố hành vi chứng thực của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận T, do Trưởng phòng Tư pháp quận T thừa ủy quyền thực hiện tại văn bản thỏa thuận phân chia di sản số 102 ngày 05/3/2011 là trái pháp luật.

[2.2] Xét yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH00692 ngày 19/10/2011 cho ông Nguyễn Thế H:

Ông H được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH00692 theo thủ tục thỏa thuận phân chia di sản thừa kế là quyền sử dụng đất của bà Bùi Hồng Đ. Như nhận định tại mục [2.1] việc chứng thực văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế số 102 ngày 05/3/2011 là vi phạm về thẩm quyền, trình tự, thủ tục; Văn bản này lại là cơ sở để Ủy ban nhân dân quận T cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH00692 ngày 19/10/2011 cho ông Nguyễn Thế H tại thửa đất số 559. Do đó việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên cho ông Nguyễn Thế H không đúng quy định của pháp luật, nên yêu cầu của người khởi kiện có cơ sở để chấp nhận.

Việc tranh chấp giữa ông H với ông T đối với thửa đất nêu trên muốn giải quyết dứt điểm thì cần giải quyết theo thủ tục tố tụng dân sự nếu các đương sự có yêu cầu.

Từ những phân tích trên, xét thấy các yêu cầu khởi kiện của ông T có cơ sở để chấp nhận một phần theo như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa.

[3] Về án phí: Do yêu cầu được chấp nhận một phần nên người bị kiện phải nộp 300.000 đồng án phí hành chính sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 32 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016. Người khởi kiện là người cao tuổi, được miễn nộp tiền tạm ứng án phí nên không xem xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 30; khoản 4 Điều 32; điểm a, khoản 2, điểm a, khoản 3, Điều 116; điểm b, g khoản 1 Điều 143; khoản 1 Điều 158; điểm b, c

khoản 2 Điều 193 Luật tổ tụng hành chính năm 2015;

Điểm a, khoản 1.1, mục 1, phần I; khoản 2.2, mục 2, phần I, Thông tư liên tịch số 04/2006/TTLT-BTP-BTP của Bộ Tư pháp - Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn việc công chứng của Phòng Công chứng và chứng thực của Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn đối với hợp đồng, văn bản thực hiện quyền của người sử dụng đất;

Khoản 2, Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Lê Công T.

1.1- Tuyên bố hành vi chứng thực của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận T (do Trưởng phòng Tư pháp quận T thừa ủy quyền thực hiện) tại văn bản thỏa thuận phân chia di sản số 102 ngày 05/3/2011 là trái pháp luật.

1.2- Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp GCN CH00692 do Ủy ban nhân dân quận T cấp cho ông Nguyễn Thế H ngày 19/10/2011 tại thửa 559, tờ bản đồ số 3, diện tích 308m², loại đất ở đô thị.

2. Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu bồi thường thiệt hại số tiền 100.000.000 đồng và yêu cầu hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 277/GCNRD tại thửa 556, tờ bản đồ số 03, diện tích 900m² do Ủy ban nhân dân huyện T (cũ) cấp ngày cho ông Nguyễn Thế H6 ngày 16/9/1990.

3. Về án phí hành chính sơ thẩm: Người bị kiện Ủy ban nhân dân quận T phải chịu 300.000 đồng.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án, hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND TPCT;
- Cục THADS TPCT;
- Lưu.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
SƠ THẨM**

**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA
PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Đào Liệt Trinh

